TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/LĐ-PT
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

*Các Thẩm phán:*Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLPT-LĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2023/LĐ – ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1633/2023/QĐ – PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đ – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà E đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: Công ty L2, số nhà E đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm Xã hội huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng T1 – Giám đốc *(xin vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty TNHH T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Hoàng M trình bày:

Ông làm việc tại Công ty TNHH T2 (viết tắt là Công ty T2) từ tháng 03 năm 2003 với chức vụ Kế toán trưởng. Trong quá trình làm việc, ông luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có vi phạm nào bị công ty xử lý kỷ luật lao động. Tuy nhiên, vào ngày 30/11/2020, ông đến công ty làm việc thì phòng làm việc bị khoá lại, ông Hứa Quốc V là Phó giám đốc công ty (chức danh tạm thời lúc đó, chưa có quyết định chính thức) mời hết các bộ phận trong công ty họp, thông báo công ty làm ăn thua lỗ nên giảm biên chế đối với ông vì quá trình làm việc ông vi phạm nhiều lỗi nghiêm trọng. Sau đó, ông V yêu cầu ông bàn giao tất cả hồ sơ, sổ sách. Do quy trình công ty cho ông thôi việc không đúng quy định, thời điểm đó ông đang là Chủ tịch Ban chấp hành Công đoàn cơ sở của Công ty nên ông có nhờ Liên đoàn Lao động huyện M can thiệp, kết quả Công ty T2 đã ra Quyết định số 05/2020 ngày 30/11/2020 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông bắt đầu từ ngày 30/11/2020.

Công ty T2 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông không đúng quy định pháp luật nên ông khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty T2 phải thanh toán cho ông tiền lương, chế độ bảo hiểm và bồi thường các khoản tiền theo quy định pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm, ông M thay đổi mức yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Công ty trả cho ông:

- Tiền lương từ khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/11/2020 đến khi Toà xét xử ngày 28/02/2023 là 27 tháng với mức lương 18.312.000 đồng/tháng, thành tiền 494.424.000 đồng.

- Tiền lương tháng lương thứ 13 (một tháng) là 18.312.000 đồng.

- Tiền lương do ngày phép không nghỉ hết của năm 2020 là 14 ngày, thành tiền 9.860.000 đồng.

- Tiền thâm niên là 2.130.000 đồng.

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là 03 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tổng cộng 54.936.000 đồng.

- Tiền bồi thường do vi phạm thời gian báo trước 45 ngày, tổng cộng 31.693.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 44.700.000 đồng.

- Tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian không tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ năm 2003 đến năm 2006, tổng cộng là 54.936.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền là 710.991.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty T2 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/6/2022 với mức lương làm cơ sở đóng bảo hiểm là 4.526.100 đồng.

- Ông M không yêu cầu Công ty T2 nhận ông trở lại làm việc nên ông rút yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương kèm theo, rút yêu cầu Công ty T2 thanh toán chế độ bảo hiểm từ tháng 3/2003 đến tháng 3/2006 với tổng số tiền 41.549.500 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty TNHH T2 trình bày như sau:

Bị đơn Công ty T2 thừa nhận quy trình đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông M có sai sót nên Công ty T2 chấp nhận thanh toán cho ông M các khoản tiền lương, một phần tiền bồi thường mà ông M yêu cầu và chỉ đồng ý mức tiền lương thanh toán và bồi thường là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 4.526.100 đồng/tháng. Cụ thể các khoản tiền Công ty T2 đồng ý gồm:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/6/2022 là 19 tháng với mức lương 4.526.100 đồng/tháng, thành tiền là 85.995.900 đồng.

- Tiền lương tháng thứ 13 là 18.312.000 đồng.

- Tiền lương do ngày phép không nghỉ hết là 14 ngày với số tiền 9.860.000 đồng.

- Tiền thâm niên 2.130.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần 22.350.000 đồng.

Tổng cộng Công ty T2 chấp nhận thanh toán và bồi thường cho ông M số tiền 138.647.900 đồng.

Các khoản yêu cầu khác của ông Minh Công ty T2 không đồng ý, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2023/LĐ–ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã quyết định:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M về việc buộc Công ty TNHH T2 thanh toán chế độ bảo hiểm từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 3 năm 2006 với số tiền 41.549.500 đồng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M.

Buộc Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng M do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật đối với ông M tại Quyết định số 05/2020 ngày 30/11/2020 với số tiền là 471.181.000 đồng (trong đó gồm: tiền lương trong những ngày không được làm việc 347.928.000 đồng, hai tháng tiền lương bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật 36.624.000 đồng, tiền trợ cấp thôi việc 54.936.000 đồng, tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước 31.693.000 đồng).

Ghi nhận Công ty TNHH T2 tự nguyện thanh toán và bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền là 52.652.000 (năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH T2 phải thanh toán và bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền là 523.833.000 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng M và Công ty TNHH T2 cùng có trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hoàng M từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/6/2022 theo mức lương làm căn cứ đóng là 4.526.100 đồng/tháng. Việc truy đóng và tỷ lệ đóng bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Ghi nhận ông Nguyễn Hoàng M không yêu cầu Công ty TNHH T2 nhận ông trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M đối với số tiền 187.158.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/3/2023, bị đơn Công ty TNHH T2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông M là có lỗi hỗn hợp từ hai phía, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm áp dụng mức lương 4.526.100 đồng/tháng làm cơ sở bồi thường cho ông M, các khoản bồi thường khác bị đơn đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn S bổ sung nội dung kháng cáo: đề nghị huỷ bản án sơ thẩm do xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Võ Thành L; việc chấm dứt hợp đồng lao động là có sự thoả thuận giữa bị đơn và ông M, ông L trình bày không đúng sự thật trái với mong muốn của bị đơn nên bị đơn không đồng ý bồi thường các khoản tiền ông L đồng ý bồi thường được ghi nhận trong bản án sơ thẩm; yêu cầu tiếp tục giải quyết đơn phản tố của bị đơn. Đồng thời, đề nghị Toà án xác định lại thời gian làm việc thực tế của ông M tại Công ty Đ1 là từ tháng 5/2022.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc Công ty T2 và ông M chấm dứt hợp đồng lao động là có sự thoả thuận nên không trái quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án sơ thẩm xác định ông Võ Thành L là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty là không đúng vì tại văn bản bà Nguyễn Thị Đ rút uỷ quyền đối với ông Hứa Quốc V không có đóng dấu Công ty, văn bản uỷ quyền của bà Đ cho ông L thể hiện bà Đ uỷ quyền cho ông L với tư cách cá nhân của bà Đ không phải Công ty uỷ quyền cho ông L; các lời trình bày của ông L không đúng sự thật và gây bất lợi cho Công ty. Mặt khác, ngày 04/5/2022 Công ty có đơn phản tố yêu cầu ông M trả số tiền 93.260.000 đồng, đến ngày 27/9/2022 bà Đ có văn bản rút yêu cầu nhưng không có xác nhận con dấu của Công ty và đã được Toà án sơ thẩm chấp nhận ra thông báo trả lại đơn phản tố là sai quy định pháp luật vì bà Đ rút đơn với tư cách cá nhân, không phải Công ty rút đơn. Ngoài ra, đề nghị Toà án xác định lại thời gian làm việc thực tế của ông M tại công ty Đ1 là từ tháng 5/2022. Với những lý do trên đề nghị Toà án phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm và tiếp tục giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo mới vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không xem xét những nội dung này. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thể hiện lỗi chấm dứt hợp đồng là của bị đơn, tiền lương của ông M là 18.312.000 đồng/tháng do đó kháng cáo của bị đơn yêu cầu xác định mức lương làm cơ sở thanh toán cho ông M 4.526.100 đồng/tháng là không có căn cứ. Tuy nhiên, bị đơn cung cấp được giấy xác

nhận của Công ty Cổ phần C và thiết bị chiếu sáng Đức Hậu L1 xác nhận trước khi ông M được đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đã có thời gian thử việc 02 tháng (tháng 5-6/2022) và ông M cũng thừa nhận việc này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm xác định thời gian buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho nguyên đơn là 17 tháng; bị đơn và nguyên đơn cùng có trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/4/2022, mức lương làm căn cứ đóng 4.526.100 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T2 (viết tắt là Công ty T2), Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bổ sung nội dung kháng mới: đề nghị huỷ bản án sơ thẩm do xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Võ Thành L; việc chấm dứt hợp đồng lao động là có sự thoả thuận giữa bị đơn và ông M, ông L trình bày không đúng sự thật trái với mong muốn của bị đơn nên bị đơn không đồng ý bồi thường các khoản tiền ông L tự nguyện bồi thường được ghi nhận trong bản án sơ thẩm; yêu cầu tiếp tục giải quyết đơn phản tố của bị đơn.

Căn cứ hồ sơ vụ án cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thừa nhận bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2, ngày 24/10/2022 bà Nguyễn Thị Đ với tư cách là "người đại diện Công ty TNHH T2" lập hợp đồng uỷ quyền cho ông Võ Thành L tham gia tố tụng và quyết định những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, văn bản này được chứng thực tại UBND thị trấn M phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Võ Thành L là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty T2 là phù hợp.

Đồng thời, các nội dung kháng cáo mới của bị đơn vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 2 Điều 284, khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án không xem xét. Bị đơn chỉ kháng cáo một phần bản án như đã nêu trên nên cấp phúc thẩm sẽ xem xét đối với các phần này, các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2] Các đương sự đều thừa nhận ông M và Công ty T2 xác lập quan hệ lao động từ năm 2003. Tại thời điểm Công ty T2 ban hành Quyết định số 05/2020 ngày

30/11/2020 chấm dứt hợp đồng lao động với ông M thì hợp đồng lao động giữa hai bên được xác định là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, ông M là Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn cơ sở của Công ty, từ năm 2003 đến năm 2009 Công ty T2 và ông M không tham gia bảo hiểm thất nghiệp do chưa có quy định.

Tại cấp sơ thẩm, Công ty đồng ý bồi thường cho ông M các khoản tiền đã được bản án sơ thẩm ghi nhận gồm: Tiền lương tháng thứ 13 là 18.312.000 đồng; tiền lương do ngày phép không nghỉ hết là 14 (mười bốn) ngày với số tiền là 9.860.000 đồng; tiền thâm niên là 2.130.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 22.350.000 đồng.

[3] Theo nội dung Quyết định số 05/2020 ngày 30/11/2020 Công ty T2 chấm dứt hợp đồng lao động với ông M với lý do "Trong quá trình làm việc vi phạm nhiều lỗi nghiêm trọng" và xác định thời điểm chấm dứt bắt đầu từ ngày 30/11/2020. Tuy nhiên, quyết định trên và "Biên bản làm việc giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động ông Nguyễn Hoàng M" ngày 30/11/2020 không nêu rõ ông M vi phạm lỗi gì. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày ông M có lỗi như có hành vi đe doạ đối với chủ sử dụng lao động, tổ chức cho vay lãi nặng trong công ty, tự ý sử dụng con dấu của Công ty xác nhận ranh giới đất với chủ sử dụng đất liền kề, ông M chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiếm đoạt tiền quỹ Công đoàn,...

Căn cứ khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012, người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong những trường hợp: người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn; do thiên tai, hoả hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc; người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động.

Tuy nhiên, bị đơn chỉ cung cấp biên bản lập ngày 24/4/2019 thể hiện ông M không lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của ông Hứa Quốc V vào ngày 10/4/2019, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông M thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động (có lập biên bản hay nhắc nhở ...), hay ông M đã bị xử lý kỷ luật lao động. Đối với việc ông M tự ý xác nhận ranh đất không nhằm mục đích vụ lợi và bị đơn cũng không chứng minh được ông M đã gây ra hậu quả thiệt hại cho bị đơn. Đồng thời, bị đơn cũng không chứng minh được ông M có các hành vi như lời trình bày của bị đơn, ông M cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty T2 chấm dứt hợp đồng lao

động với ông M không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012.

Ngoài ra, khi chấm dứt hợp đồng lao động ông M là Chủ tịch Công đoàn cơ sở của Công ty, theo khoản 7 Điều 192 của Bộ luật Lao động năm 2012 *"Khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách thì phải thỏa thuận bằng văn bản với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp cơ sở.*

Trong trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau 30 ngày, kể từ ngày báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình". Ngày 30/11/2020, Công ty T2 ban hành Quyết định số 05/2020 ngày 30/11/2020 chấm dứt hợp đồng lao động với ông M bắt đầu từ ngày 30/11/2020, không báo cho ông M biết trước ít nhất 45 ngày (theo quy định theo tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012) và không có ý kiến thoả thuận bằng văn bản với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp cơ sở là vi phạm quy định pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định Công ty T2 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông M bằng Quyết định số 05/2020 ngày 30/11/2020 là trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn cho rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động có lỗi hỗn hợp của hai bên.

[4] Về mức lương làm căn cứ bồi thường:

Căn cứ Hợp đồng lao động số 05/06 HĐLĐ năm 2006 được ký kết giữa ông M và Công ty T2 thì "Mức lương chín: theo thang bảng lương" và quyết định 01/2014/QĐ CTY ngày 06/03/2014 do Công ty T2 ban hành thể hiện từ năm 2014 bậc lương của ông M là 5/6 (13,08). Đồng thời, theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự thống nhất tại thời điểm ông M bị chấm dứt hợp đồng lao động hệ số lương của ông M là 13,08, mức lương tối thiểu Công ty T2 áp dụng là 1.400.000 đồng/tháng nên mức lương Công ty trả cho ông M là 18.312.000 đồng/tháng. Theo khoản 2 Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày/01/2015 của Chính phủ: "Tiền lương trả cho người lao động được căn cứ theo tiền lương ghi trong hợp đồng lao động, năng suất lao động, khối lượng và chất lượng công việc mà người lao động đã thực hiện", như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lương làm cơ sở bồi thường cho ông M là tiền lương theo thang bảng lương 18.312.000

đồng/tháng là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn xác định tiền lương của ông M là 4.526.100 đồng (mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội trung bình 6 tháng liền kề trước khi ông M thôi việc).

Về thời gian thanh toán tiền lương, theo bản án sơ thẩm từ ngày 30/11/2020 ông M bị Công ty T2 đơn phương chấm dứt hợp đồng đến ngày Toà án sơ thẩm xác định ông M bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần C và thiết bị chiếu sáng Đức Hậu L1 là 19 tháng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm bị đơn cung cấp giấy xác nhận của Công ty Đ1 xác nhận trước khi ông M được đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đã có thời gian thử việc 02 tháng (tháng 5-6/2022) và ông M cũng thừa nhận việc này.

Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về thời gian buộc Công ty T2 thanh toán tiền lương cho ông M từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/4/2022 là 17 tháng, buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho ông M là 18.312.000 đồng/tháng x 17 tháng = 311.304.000 đồng. Ông M và Công ty T2 cùng có trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông M từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/4/2022, mức lương làm căn cứ đóng 4.526.100 đồng/tháng.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì người lao động khởi kiện giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại vì chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc ông M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là chưa chính xác nên cần sửa lại, không buộc ông M nộp tiền án phí.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/LĐ-ST ngày 28-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 38, 41, 42, 48, 186, 192 của Bộ luật Lao động năm 2012; các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M về việc buộc Công ty TNHH T2 thanh toán chế độ bảo hiểm từ tháng 3 năm 2003 đến tháng 3 năm 2006 với số tiền 41.549.500 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M.

Buộc Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng M do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với số tiền là 434.557.000 đồng (trong đó gồm: tiền lương trong những ngày không được làm việc 311.304.000 đồng, hai tháng tiền lương bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật 36.624.000 đồng, tiền trợ cấp thôi việc 54.936.000 đồng, tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước 31.693.000 đồng).

Ghi nhận Công ty TNHH T2 tự nguyện thanh toán và bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền 52.652.000 đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH T2 phải thanh toán và bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền 487.209.000 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng M và Công ty TNHH T2 cùng có trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hoàng M từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/4/2022, mức lương làm căn cứ đóng là 4.526.100 đồng/tháng. Việc truy đóng và tỷ lệ đóng bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận ông Nguyễn Hoàng M không yêu cầu Công ty TNHH T2 nhận ông trở lại làm việc.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M đối với số tiền 223.782.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch:

Ông Nguyễn Hoàng M được miễn nộp án phí.

Buộc Công ty TNHH T2 phải nộp 13.744.000 đồng.

5. Án phí lao động phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty TNHH T2 số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004638 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng